

MỞ RỘNG GIÁ TRỊ VĂN HỌC QUÁ KHỨ QUA THÀNH TỰ CỦA KHOA NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

PHONG LÊ^(*)

Một thành tựu quan trọng của khoa nghiên cứu văn học trong Đổi mới - đó là sự mở rộng các tiêu chí đánh giá trong tiếp thu di sản văn học quá khứ, thay cho các tiêu chí có phần chật hẹp trước đây, do quy định của lịch sử.

Ngoài chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng vốn là phân nôi đậm trong lịch sử và lịch sử văn học dân tộc, thì chủ nghĩa nhân văn, với các khía cạnh phong phú của nó đã được quan tâm nhiều hơn. Bên cạnh con người trong tính dân tộc và tính giai cấp, thì những khám phá con người trong tính nhân loại và tính cá thể cũng là đối tượng được chú ý khai thác trong di sản.

Đổi mới - đó là sự gặp lại nhu cầu Canh tân của các nhà Nho đầu thế kỷ XX. Là sự tiếp tục các thành tựu trong quá trình hiện đại hoá văn chương - học thuật dân tộc, bao gồm nhiều khuynh hướng, trào lưu; trong đó có trào lưu lãng mạn, sau một thời gian dài phải chịu sự phê phán hoặc phủ nhận...

Nhìn chung các giá trị của văn học quá khứ - gồm văn học trung đại, văn học hiện đại trước 1945, và khu vực văn học các đô thị miền Nam thời kỳ 1954 - 1975... đã được mở rộng thêm các đường biên cho sự tiếp nhận.

Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước đã dần dần cho ta thấy di sản văn hoá, văn học dân tộc là giàu có hơn cách ta hình dung và suy nghĩ như trước đây; di sản trong quá khứ nhiều chục thế kỷ văn học trung đại và di sản trong nửa đầu thế kỷ văn học hiện đại. Mốc lịch sử 1945 không hoàn toàn là một nhát cắt ngang, một sự đứt đoạn, giữa trước và sau; và việc chọn lựa các giá trị không chỉ dựa trên một sự phân

biệt duy nhất là mới và cũ, tiến bộ và lạc hậu, cách mạng hay không cách mạng, hiện thực hay lãng mạn... Trong hoàn cảnh chiến tranh, trong tình thế đất nước bị chia đôi trong một thế giới cũng bị phân đôi, trong sự bắt buộc phải lựa chọn giữa hai con đường, trong sự phân cực giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể... thế tất sự nhận thức và

^(*) GS. Viện Văn học, Viện KHXH Việt Nam.

thái độ đối với di sản như trên là khó tránh khỏi. Nói “khó tránh” là nói về một sự thật đã diễn ra, cố nhiên không phải là định mệnh; có nghĩa là nếu tránh được thì vẫn là hay hơn.

Việc đặt vấn đề như trên hoàn toàn không có ý phủ định các kết quả, các thành tựu ta đã thu được trên mọi lĩnh vực nghiên cứu, tiếp nhận di sản. Nhưng ở thời điểm hôm nay, từ kết quả của công cuộc Đổi mới hôm nay mà nhìn lại, rõ ràng có thể thấy chúng ta còn rất nhiều việc phải làm, và cũng đã làm được không ít việc. Nếu trong nhiều chục năm qua, phương hướng khai thác di sản nói chung là nghiêng về mặt khẳng định chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng, quả là phần *nổi đậm* trong lịch sử văn học dân tộc, và quả là *cần thiết* đáp ứng cho nhu cầu cách mạng, thì hôm nay vấn đề hàng đầu nổi lên lại là sự toàn diện các khía cạnh của giá trị nhân văn, vốn cũng không phải là quá mỏng trong di sản tinh thần của dân tộc. Giá trị *nhân văn*, trong phương hướng khai thác của các giới nghiên cứu qua nhiều chục năm trước đây luôn luôn gắn với giá trị *hiện thực* như là hai mặt bổ sung tạo nên gương mặt các tác gia, tác phẩm tiêu biểu. Nhưng vẫn có thể nói là sự khai thác đó còn chưa thật đủ, thật sâu; nếu ta hiểu con người, bên cạnh nhu cầu giải phóng ra khỏi mọi áp bức, bất công và sự nghèo khổ lưu niên trong lịch sử, còn có nhu cầu phát triển, nhu cầu vươn lên một cuộc sống xứng đáng với con người, nhu cầu tìm đến một hoàn cảnh tự do và nhân đạo, để phát triển cá tính, hoàn thiện nhân cách, đó chính là cơ sở cho sự tiến bộ xã hội. Sau một cuộc thay đổi triều đại hay một cuộc chiến tranh giải phóng, nhu cầu này thường nổi lên, nhưng trong trường kỳ lịch sử, cho đến đầu thế kỷ XX, nó luôn luôn bị chèn lấn, kìm hãm vì những thiết

chế chính trị cũ và hệ ý thức cũ. Những biểu hiện của khát vọng phát triển con người cố nhiên không tách rời với nhu cầu giải phóng, có giải phóng rồi mới có phát triển; nhưng bản thân sự phát triển mới là mục tiêu cuối cùng con người cần theo đuổi; và do vậy mới là thực chất quyết định sự tiến bộ xã hội. Khát vọng này dẫu không có điều kiện thuận lợi để biểu lộ trong hoàn cảnh của nền chuyên chế phong kiến phương Đông kéo dài, nhưng cũng không phải là hoàn toàn bị bóp nghẹt và hết đất sống, thế nhưng ta còn ít khai thác; và nếu có khai thác thì lại hàm sự thờ ơ, e ngại, thậm chí có lúc khe khắt, nghiệt ngã. Do kiêng sợ chủ nghĩa lãng mạn và những tìm tòi khác ngoài chủ nghĩa hiện thực, nên nhiều lúc ta đã đẩy vào cùng một bị, dưới nhãn hiệu hưởng thụ, nhàn tản, thoát ly, cá nhân chủ nghĩa... nhiều hiện tượng văn học độc đáo; và dòng văn học trữ tình, hoạt kê, trào phúng xã hội nếu được chú ý thì cũng là ở dòng thứ yếu, dòng phụ.

Từ thực trạng trên, để nhìn rộng ra, có thể nói, cả một thời gian dài chúng ta nghiêng về khai thác, khẳng định con người trong tính giai cấp và trước lợi ích dân tộc, mà coi nhẹ con người cá thể, con người không chịu để bị tước mất hoặc tự đánh mất tính cá thể. Con người với cái tôi riêng bị xem là cô đơn, nhỏ bé, thậm chí là lạc lõng, là đi trái, đi ngược với những lợi ích chung. Thế nhưng chính đây lại là nơi chứa đựng sự phong phú và bộc lộ rõ mặt xã hội, mặt riêng biệt của thế giới người. Chính đây là nơi mà con người có cơ hội khẳng định sự tồn tại đích thực của mình. Không hoặc ngại đi vào con người trong *tính cá thể* và *tính nhân loại* của nó, một bị xem là quá riêng, và một bị quy vào tính người chung chung trừu tượng, vì nỗi sợ sai lập trường, nỗi sợ không kiên định tính giai cấp, chúng ta

đã đưa toàn bộ di sản văn học phong phú vào quỹ đạo của một vài hình thái tư tưởng, một vũ khí đấu tranh giai cấp mà làm mờ đi hoặc biến dạng bức tranh toàn vẹn của đời sống, tấm gương soi vẻ mặt tinh thần của con người trong muôn mặt phong phú và sinh động của nó.

Cách nhìn, cách đánh giá như trên kéo dài khiến cho nhiều thế hệ bạn đọc trước đây chỉ được làm quen, hoặc trở nên quá quen với một di sản có phần nghèo. Một di sản cơ bản chỉ được xem xét và tiếp nhận trên quan điểm giai cấp và cách mạng, với sự phủ định triệt để tất cả những gì gắn với đế quốc và tư sản, gắn với xã hội phong kiến và thuộc địa. Thế nhưng có sự thật là ngay trong xã hội cũ cũng tồn tại những mặt đối lập, cũng chứa đựng nhiều sự tìm kiếm. Và con người chân chính cho dù hoàn cảnh có khó khăn và thất bại đến đâu vẫn khao khát hướng về Chân - Thiện - Mỹ. Và mọi sự tìm kiếm, càng là tìm kiếm trong xã hội cũ, đều không dễ dàng. Do vậy, nếu có những ngộ nhận hoặc lầm lạc ở họ, thì với khoảng lùi của thời gian, và trong kiểm nghiệm của thực tiễn, càng cần một thái độ bao dung, và trên quan điểm lịch sử.

*

Công cuộc Đổi mới đất nước từ nửa sau những năm 80 đã tạo được một khởi động quan trọng và quyết định cho sự thay đổi nhận thức và thái độ trên. Cách nhìn cuộc sống trước *nhu cầu giao lưu và phát triển* trong thời kỳ Đổi mới tự nhiên là sự gặp lại một nhu cầu lớn nổi lên đầu thế kỷ, là *nhu cầu cạnh tranh*, được phát động bởi các nhà Nho, các sỹ phu. Công cuộc cạnh tranh đó đã được thực hiện bởi sự tiếp sức của vài ba thế hệ, từ Nho học sang Tây học trong ba thập niên đầu thế kỷ XX. Rồi tiếp đến là thế hệ trực tiếp đón nhận các ảnh hưởng của phương Tây, bao gồm nhiều xu hướng, đóng vai trò chủ đạo

vào những năm 30 cho đến 1945. Thế hệ này rồi sẽ thúc đẩy và hoàn thiện công cuộc cạnh tranh trên các lĩnh vực văn học-nghệ thuật, trong đó nổi lên sự toàn thắng của nền văn chương Quốc ngữ; sự sôi nổi của phong trào báo chí; sự hoàn thiện nền văn xuôi mới với vai trò của nhóm Tự lực văn đoàn và các nhà văn hiện thực; sự chiếm lĩnh các đỉnh cao của phong trào Thơ mới; và cuối cùng là sự hình thành và phát triển khải tượng của các bộ môn phê bình, khảo cứu, nghị luận.

Vậy là chỉ trên dưới hai mươi năm trước 1945, nền văn chương học thuật Việt Nam đã hoàn thành công cuộc cách tân quan trọng của nó, để chuyển từ tình thế ổn định, phong bế trong khuôn khổ phương Đông cổ truyền vào một cuộc giao lưu và hoà nhập từng phần vào văn học thế giới hiện đại.

Đứng trên yêu cầu cạnh tranh, đổi mới và phát triển văn chương, học thuật mà xét thì những thành tựu của bộ phận văn học công khai ngót hai thập niên trước 1945 là đã thật sự tạo được một đường ray, mà nửa thế kỷ sau, trên cả hai miền của đất nước bị phân đôi, những thế hệ viết đến sau, chỉ cần tiếp tục cuộc vận hành.

Đó là thời kỳ mà những nhu cầu *vận động tự thân* của văn chương diễn ra thật sự mạnh mẽ trên cơ sở một tình yêu đến thiết tha tiếng Việt, được xem là “hồn thiêng” dân tộc, là “tám lụa để hứng vong hồn những thế hệ qua”^(*); một sự kết hợp, gắn bó giữa chữ viết và tiếng nói với các sắc thái của tình yêu nước, của ý thức dân tộc. Đó là thời kỳ bên cạnh nhu cầu cách mạng nổi lên ở vị trí bức xúc, số một, cũng đồng thời tồn tại các nhu cầu tinh thần và văn hoá khác của đời sống con người trên sự phát triển của đời sống đô thị, trong xã hội thuộc địa. Từ một cách nhìn rộng rãi

(*) Hoài Thanh: *Thi nhân Việt Nam*, 1942

các nhu cầu tinh thần đó và chú ý đến các tình thế lịch sử đặt ra cho con người, chúng ta sẽ thấy sự phong phú và đa dạng của những tìm tòi qua các trường phái, các xu hướng nghệ thuật thời kỳ 1930-1945 là có lý do tồn tại. Và trong bức tranh chung có mặt hỗn tạp đó, sự hình thành một xu hướng lãng mạn, với các biến thái khác nhau trong nội dung và hình thức, trong các quan niệm nghệ thuật mới mẻ về cuộc sống và con người, trong những khảo nghiệm và đi sâu vào thế giới bên trong của cá nhân... ở văn xuôi Tự lực văn đoàn, ở Nguyễn Tuân hoặc Nguyễn Huy Tưởng, ở Thế Lữ và Xuân Diệu, ở Hàn Mặc Tử, Bích Khê hoặc Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính...; và ngay cả một chủ trương “văn chương là văn chương” kiểu Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* hoặc Thạch Lam trong *Theo giòng*, nhằm hướng văn chương vào cái Đẹp, vào mỹ học- nghệ thuật của ngôn từ, nếu xét trên những nhu cầu tinh thần mở rộng của con người, chứ không chỉ ở những đòi hỏi gay gắt của cách mạng, thì không thể nói là không có những mặt khả thủ. Bởi cuối cùng nó chính là tiếng nói phát ngôn cho sự hình thành, phát triển của cái cá nhân, của một cái Tôi riêng, chính thức được khai sinh từ Tản Đà, và còn nhen nhúm lâu hơn về trước, vốn bị bó chặt và bóp nghẹt trong khuôn thức lễ giáo và hệ ý thức phong kiến rất mực nặng nề và cực kỳ dai dẳng. Bởi nó là nhu cầu cho con người được trở về với chính mình, để không bị chèn lấn, thủ tiêu hoặc tự đánh mất mình. Như vậy, xét theo lịch sử *hành trình tinh thần* của con người thì sự xác nhận vai trò của cái Tôi, sự coi trọng cái riêng, và cách trở về với nhu cầu thành thực của cảm xúc và tâm trạng ở con người cũng là một hiện tượng quan trọng và đáng coi trọng, chứ không hoàn toàn là một biểu hiện tiêu cực, đi ngược

hoặc chống phá cách mạng.

Những kết quả nghiên cứu mới về Tản Đà và Thơ mới, về Tự lực văn đoàn với sự đặt lại vị trí của Khái Hưng và Nhất Linh (không kể Thạch Lam), về nhiều tác gia hiện thực và lãng mạn như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Thạch Lam, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương...; việc tái bản những tác phẩm tiêu biểu của các nhà văn, nhà thơ thuộc các xu hướng khác nhau trước 1945; cùng các công trình biên khảo, hồi ký về nhiều nhân vật và sự kiện văn chương quan trọng xuất hiện dồn dập từ thập niên 90 trở đi là kết quả và cũng là động lực thúc đẩy dần dần sự thay đổi nhận thức của chúng ta về toàn bộ di sản quá khứ, trong đó có phần di sản nửa đầu thế kỷ XX. Và trở lại quá khứ hoàn toàn không phải vì quá khứ, mà chính vì hiện tại và tương lai. Một hiện tại đang trong chuyển động nhằm vào sự phát triển của xã hội và con người, nhằm vào sự khắc phục mọi ngăn cách siêu hình các nhu cầu tinh thần nhiều vẻ của con người, nhằm giảm nhẹ mọi cách bức để đẩy nhanh sự giao lưu và hội nhập với thế giới chung quanh. Đó chính là cách trả lời thích đáng cho những đòi hỏi mới của lịch sử, và là một bước tiến về tinh thần trong công cuộc Đổi mới do Đảng Cộng sản khởi xướng và lãnh đạo mà từ thập niên cuối thế kỷ XX, ta đã được chứng kiến.

*

Vậy là đã đến lúc có thể nhìn lại, xuyên suốt và bao quát cả thế kỷ XX, trước khi nói đến thế kỷ XXI, chắc chắn sẽ đem lại nhiều biến đổi kinh ngạc cho dân tộc chúng ta. Ôn lại lịch sử dân tộc, những sự kiện thường xảy ra vào cuối thế kỷ đều rất đáng chú ý, nhưng có lẽ chưa có cuộc chuyển giao nào đặc biệt như cuộc chuyển giao thế kỷ XIX sang thế kỷ XX,

và thế kỷ XX sang thế kỷ XXI. Tổng hợp những gì đã diễn ra trong cả thế kỷ XX thật đáng kinh ngạc: các quá trình đô thị hoá và hiện đại hoá; chiến tranh và cách mạng; sự phân cắt rồi thống nhất đất nước; chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo mô hình cũ, nay đang trên đường xác định một mô hình thích hợp; quá trình khai mở và gắn nối với thế giới bên ngoài thông qua chủ nghĩa thực dân (cũ và mới) và thông qua cộng đồng xã hội chủ nghĩa, và bây giờ là một cuộc hội nhập tự chủ và tự nguyện. Điều đặc biệt, để khu biệt và làm nên nét dáng riêng của thế kỷ XX - đó là sự gặp gỡ, sự trở lại cùng một điểm tụ: Canh tân và Đổi mới ở hai đầu thế kỷ.

Nội dung cơ bản của văn học- nghệ thuật xuyên suốt thế kỷ XX vẫn là chủ nghĩa yêu nước, nhằm giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm, và chủ nghĩa nhân đạo, nhằm giải phóng con người. Ở mục tiêu này, thấy ít xảy ra sự cập kênh, sự so lệch giữa nhà văn và bạn đọc, nhà văn và giới quản lý, lãnh đạo. Ở mục tiêu chung này, và trong mối quan hệ cơ bản này dường như ít có sự khác nhau, hoặc nếu có khác nhau thì rồi cũng nhanh chóng tìm được điểm gặp.

Nhưng thế kỷ XX còn đặt ra và chứng kiến một cuộc đi tìm mới, cuộc đi tìm một mô hình cho phương hướng hiện đại hoá, tức là nhằm vào sự giao lưu và phát triển đất nước; có giao lưu mới phát triển được, và phát triển trong giao lưu mới là sự phát triển có triển vọng, có tiền đồ.

Nếu Cách mạng tháng Tám và hai cuộc chiến tranh nhằm giành và giữ độc lập tự do cho dân tộc đòi hỏi bao nỗ lực, hy sinh, thì cuộc đi tìm một mô hình phát triển đất nước mới thật là sôi động và phức tạp. Đi tìm từ nhiều hướng, với nhiều động cơ khác nhau, và với các hiệu quả khác nhau. Chấm dứt phong trào Cần Vương là bắt đầu ngay một cuộc đi

tìm mới, với khát vọng cứu nước gắn với yêu cầu dân chủ và canh tân của hai cụ Phan, với phong trào Đông du và Đông Kinh nghĩa thực. Và lịch sử đã diễn ra trong sự kế tục nhau, sự bổ sung cho nhau, cả sự phủ định nhau trong những tìm tòi kiên trì và căng thẳng đó. Cuối cùng cả dân tộc tìm đến con đường Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, con đường của chủ nghĩa Marx-Lenin để giải phóng dân tộc. Nhưng nếu về phương diện chính trị gần suốt một thế kỷ là hướng tới chỉ một giải pháp, là nhu cầu tất yếu hướng tới một con đường, thì về đời sống văn hoá- tinh thần lại đã diễn ra nhiều cuộc tìm kiếm, theo nhiều hướng khác nhau, nhằm phát triển văn hoá dân tộc, tính từ *Văn minh tân học sách*, rồi *Đông Dương tạp chí* và *Nam Phong tạp chí*, *Phong hoá - Ngày nay*, *Thơ mới*, *Tự lực văn đoàn*, rồi *Đề cương về văn hoá Việt Nam 1943*, trước khi bước vào Cách mạng tháng Tám 1945, mở đầu một thời kỳ đất nước phải chịu hai cuộc chiến tranh khốc liệt và trong tình thế phân đôi đất nước trong một thế giới chia đôi.

Trước đây sự đánh giá và phán xét là quy về một: chỉ có một con đường; và những con đường khác là sai lầm. Bây giờ lịch sử đã có khoảng lùi, có cách nhìn mở, cho ta nhận diện lại các khuynh hướng, các tìm tòi, với những khả năng, những phương án khác nhau; và sự nhận lại như vậy là cần thiết không phải để phủ định hoặc xét lại quá khứ; mà để cho tương lai rút ra các bài học và tránh bớt các sai lầm.

Cần từ những yêu cầu xuyên suốt thế kỷ, nối hai đầu thế kỷ mà nhìn nhận lại những vấn đề đã diễn ra trong dòng lịch sử. Thế kỷ XX đã diễn ra hai cuộc chiến tranh, sinh lực dân tộc đã phải huy động đến mức tối đa để chịu đựng và chiến thắng trong chiến tranh. Nhưng chiến tranh để giành độc lập, tự do vẫn

chỉ là một chặng, dấu là chặng quyết định trên con đường phát triển đất nước, dân tộc. Vì phát triển mới chính là mục tiêu cuối cùng dân tộc cần đến. Để có được sự phát triển, phần tiềm năng trí tuệ, phần khả năng sáng tạo trên mọi lĩnh vực của dân tộc phải được huy động.

Chính từ yêu cầu này mà lịch sử nói chung và lịch sử thế kỷ XX cần được đánh giá lại, ngay từ những khởi động đầu tiên nhằm vào sự canh tân và phát triển văn hoá dân tộc. Rồi từ khi đất nước chia đôi, phần văn hoá, văn học, nghệ thuật ở các đô thị miền Nam trong thời gian 1954-1975 cũng cần được soát xét lại.

Nhiều năm trước đây, trên các kết quả nghiên cứu của chúng ta, phần di sản văn học trước 1945 đã bước đầu được nhận thức lại; nhưng còn phần sau 1945, gần như hai bộ phận Bắc và Nam vẫn quay lưng với nhau. Các công trình viết về văn học hiện đại Việt Nam (đó là văn học thế kỷ XX) của các tác giả miền Bắc thường vẫn còn bỏ trống, xem như không có khu vực văn học đô thị miền Nam. Công trình của các tác giả miền Nam lại gần như không biết gì về văn học miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Các công trình được viết từ sau 1975 cho đến nay, về văn học đô thị miền Nam, thái độ chủ yếu vẫn là phê phán, đứng lên trên mà phê phán như sự chiến thắng của Bắc đối với Nam, của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa thực dân mới; đặt Bắc và Nam trong thế đối lập giữa hai chế độ. Có thể nói, ngay sau chiến thắng 1975, đó là một cách xem xét cần thiết, cần cho yêu cầu chính trị, nhưng không thoả đáng về mặt khoa học; cách nhìn ấy đến bây giờ phải được điều chỉnh, sửa đổi.

Cần hiểu tình hình miền Nam 1954-1975 có một thể chế chính trị phản động, quân phiệt, chịu sự chi phối của Mỹ. Nhưng dấu chế độ chính trị có phản động,

đất nước vẫn có nhân dân, và có văn hoá dân tộc. Đời sống văn học dẫu xô bồ, đủ loại, nhưng vẫn có sự tồn tại các xu hướng bảo vệ văn hoá dân tộc, theo con đường dân chủ, hiện thực; hoặc ít nhất nó cũng đi tìm con đường độc lập với chính trị, không phụ hoạ với chính quyền Mỹ-Diệm hoặc Mỹ-Thiệu. Chắc chắn là ở khu vực này nếu có thái độ bao dung và gạt bỏ thì vẫn còn nhiều giá trị không nên bỏ sót.

Khu vực này cố nhiên có chịu nhiều ảnh hưởng lộn xộn của phương Tây, nhưng cũng có bộ phận cuống lại, theo xu hướng tìm về nguồn, tìm về dân tộc. Mặt khác, dưới ánh sáng của công cuộc Đổi mới, và trong xu thế giao lưu mở với thế giới, mà các dạng của Chủ nghĩa hiện đại và Hậu hiện đại ở phương Tây từ lâu được xem là những “cái nấm sặc sỡ” trên “gốc cây gỗ mục của văn hoá đế quốc chủ nghĩa”, là “sản phẩm điên loạn nhất, bế tắc nhất của giai cấp tư sản...” cũng đang được nhận thức lại trên một quan niệm mới với các giá trị không dễ dàng phê phán hoặc gạt bỏ.

Vậy là, trong công cuộc Đổi mới mở ra cho đất nước từ nửa sau thập niên 80, mọi vấn đề cần được xem xét lại, nếu chiến thắng của dân tộc không phải là chiến thắng Bắc-Nam, nếu cái nhìn ra thế giới cần được thoát ra khỏi thế lưỡng cực - hai phe, nếu chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ, nay đang được định hướng lại (định hướng xã hội chủ nghĩa)... Và trên các cơ sở ấy mà việc nhìn nhận lại giá trị văn học trước 1945, cũng như phần văn học đô thị miền Nam từ 1954 đến 1975 (và nối tiếp là phần văn học hải ngoại những năm sau 1975) là cần thiết, là tự nhiên; và như vậy, di sản văn học dân tộc sẽ là giàu có hơn; và những tiềm năng lịch sử cần được huy động cho sự nghiệp xây dựng đất nước và đổi mới văn học hôm nay sẽ càng phong phú hơn.